

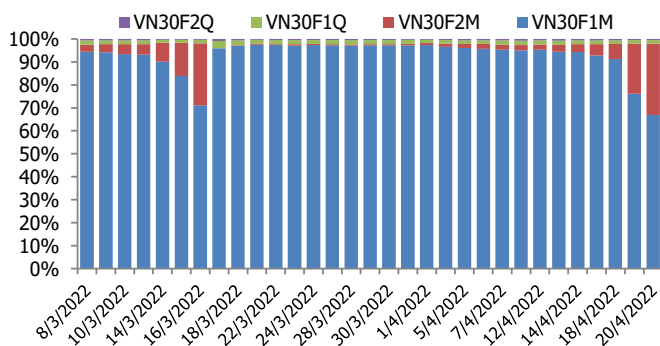
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2204	21/4/2022	1	1440.00	34,045
VN30F2205	19/5/2022	29	1439.00	15,790
VN30F2209	15/9/2022	148	1441.10	791
VN30F2212	15/12/2022	239	1440.00	252

TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường phái sinh tiếp tục giảm phiên thứ 5 liên tiếp, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức giảm từ 14,1 đến 25,1 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 5,11 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng suy yếu so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 giảm xuống +4,50 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng giảm xuống +3,50 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng so với phiên liền trước, đạt 240.588 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 04 với -2.293 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 1.478 hợp đồng.

- Thị trường cơ sở giảm sang phiên thứ 5 liên tiếp, đây cũng là chuỗi giảm dài nhất kể từ cuối tháng 6/2020. Trong 11 phiên vừa qua, thị trường đã giảm 146,23 điểm, tương đương mất 9,55%, chỉ có vèn vèn 3 phiên tăng. Tâm lý nhà đầu tư hiện xuống rất thấp khi cứ vào phiên chiều, thị trường lại có nhịp giảm mạnh với hàng trăm cổ phiếu đóng cửa ở mức giá sàn. Diễn biến thị trường đang khiến tâm lý nhà đầu tư xuống thấp, do vậy các ngưỡng kỹ thuật cũng không đáng tin cậy. Thị trường cần chứng đã giảm để ổn định tâm lý, dòng tiền bắt đáy cũng đã xuất hiện trong phiên hôm nay khi nhóm bluechips chỉ giảm nhẹ và độ rộng thị trường cũng khá tích cực trong bối cảnh dòng tiền đang thoát ra khỏi nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ.
- Thị trường phái sinh vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh và dấu hiệu tạo vùng cân bằng vẫn chưa xuất hiện. Cơ hội phục hồi ngày mai phụ thuộc vào diễn biến các mã dẫn dắt. Với bối cảnh hiện tại, chiến lược daily trading sẽ là chiến lược hợp lý hơn. Đối với chiến lược Long, khi chiết khấu thấp hơn so với vùng giá hiện tại (vùng 1435- 1438 điểm hoặc thấp hơn tại vùng 1423-1427 điểm). Vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi nếu xảy ra trên chỉ số phái sinh là 1453-1456 điểm hoặc 1485-1493 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

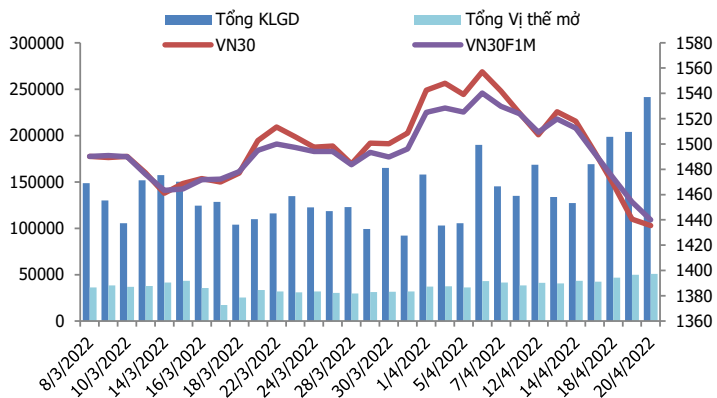
Đối với chiến lược Long, khi chiết khấu thấp hơn so với vùng giá hiện tại (vùng 1435-1438 điểm hoặc thấp hơn tại vùng 1423-1427 điểm). Chiến lược Short được kích hoạt tại vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi là 1453-1456 điểm hoặc 1485-1493 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Nắm giữ vị thế Short, chốt lời vùng kỳ vọng 1427-1438 điểm, Stoploss nếu vượt 1485 điểm.

Chiến lược giao dịch spread

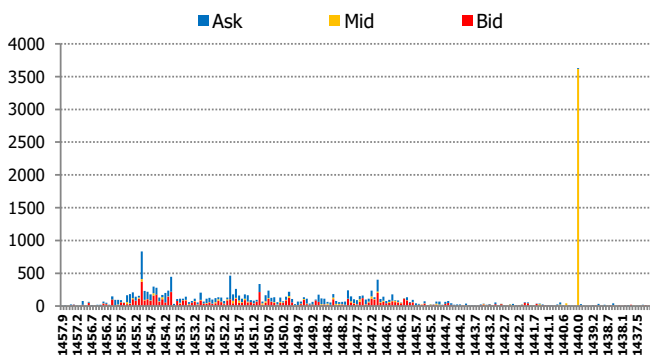
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2204	1440.0	-0.97	226,301	18.3	34,045	-10.3
VN30F2205	1439.0	-1.29	14,907	22.0	15,790	45.0
VN30F2209	1441.1	-1.29	238	25.3	791	2.7
VN30F2212	1440.0	-1.71	170	33.9	252	0.4
Tổng			241,616	18.5	50,878	2.0

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Thị trường phái sinh tiếp tục giảm phiên thứ 5 liên tiếp, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức giảm từ 14,1 đến 25,1 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 5,11 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng 18,03% so với phiên liền trước, đạt 240.588 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 04 với 225.358 hợp đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng HĐTL tháng 04 với 2.293 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 1.478 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2204 là 1.435,5 điểm (thấp hơn 4,5 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2205 là 1.436,92 điểm (-2,08 điểm), VN30F2206 là 1.442,99 điểm (+1,89 điểm) và VN30F2209 là 1.447,64 điểm (+7,64 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

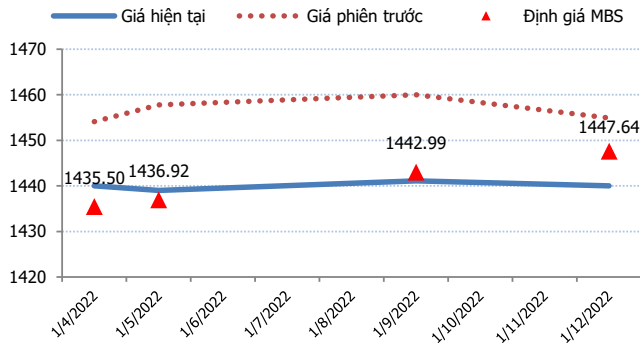
Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	SELL	SELL	SELL
Hỗ trợ	1435-1438	1423-1427	1400-1407
Kháng cự	1453-1456	1485-1493	1528-1536

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-1	3.70	-4.7	1.5
VN30F1Q - VN30F1M	1.1	5.90	-4.8	1.58
VN30F1Q - VN30F2M	2.1	2.20	-0.1	0.08
VN30F2Q - VN30F1M	0	0.80	-0.8	-4.08
VN30F2Q - VN30F2M	1	-2.90	3.9	-5.58
VN30F2Q - VN30F1Q	-1.1	-5.10	4	-5.66

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



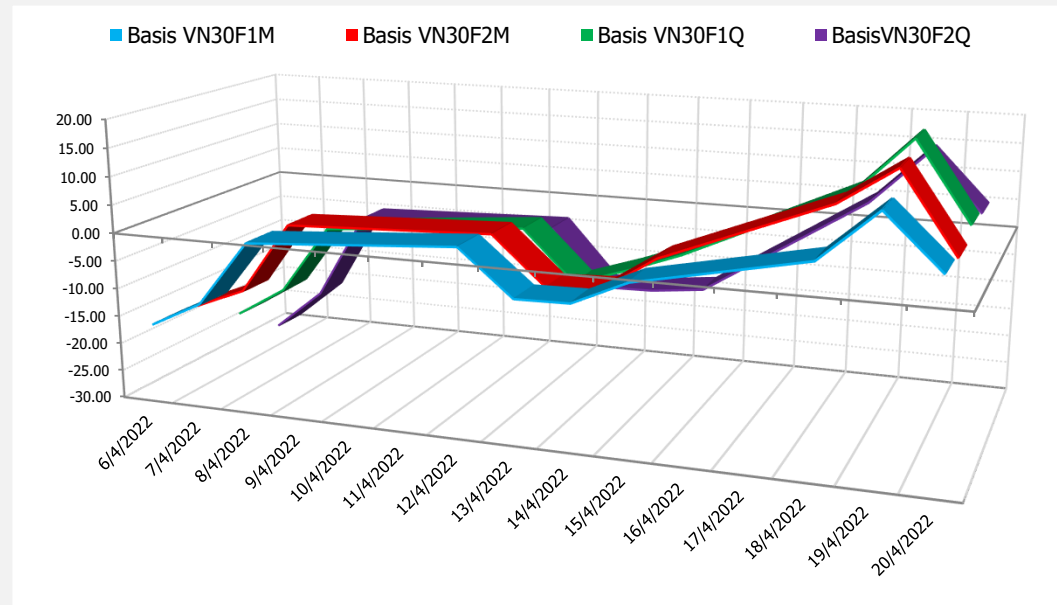
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÈNH LỆCH GIÁ HĐTL

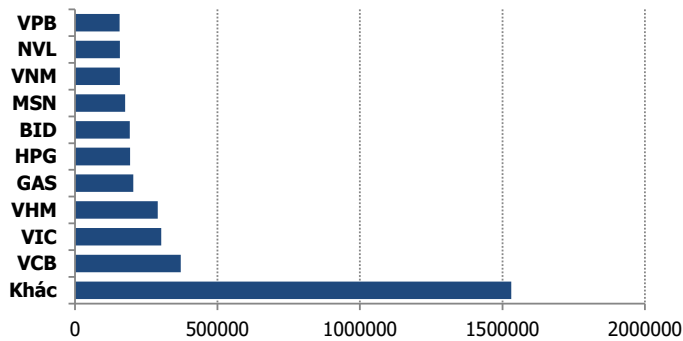
- Thị trường phái sinh tiếp tục giảm phiên thứ 5 liên tiếp, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức giảm từ 14,1 đến 25,1 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 5,11 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng suy yếu so với phiên liền trước. Cụ thể, basis của VN30F2204 giảm xuống +4,50 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2205 cũng giảm xuống +3,50 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -1,1 điểm đến +2,1 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2204-VN30F2203) giảm đi 4,7 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

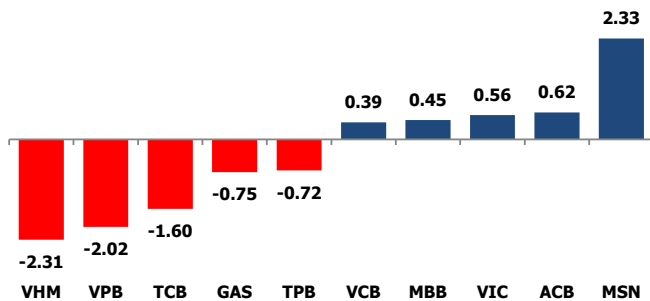


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1384.72	1435.5
Thay đổi	-21.73	-5.11
%Chg	-1.55	-0.35
YTD	-7.58	-6.53
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,488.67	3,732.55
P/E	15.80	12.89
P/B	2.43	2.53

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân khiến các chỉ số chính tiếp tục chìm trong sắc đỏ. Số mã giảm điểm (17) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (9) và 4 mã đứng tham chiếu. VHM và VPB trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -2,31 điểm và -2,02 điểm; ngoài ra TCB, GAS hay TPB cũng là những bluechips giảm điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa dưới mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 5,11 điểm (-0,35%) xuống 1.435,5 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 157,39 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 7.010 tỷ đồng.

Khối ngoại quay trở lại mua ròng với 444,25 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như GEX (+77 tỷ đồng), DPM (+76 tỷ đồng), STB (+65 tỷ đồng), VIC (+44 tỷ đồng), SSI (+35 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIndex	1,384.72	(1.55)	15.80	(7.58)
Dow Jones	35,160.79	0.71	19.12	(3.24)
S&P500	4,459.45	(0.06)	23.11	(6.44)
Nikkei 225	27,425.82	0.76	15.47	(4.74)
Shanghai	3,151.05	(1.35)	13.31	(13.43)
DAX	14,362.03	1.47	14.68	(9.59)
Vàng	1,953.90	(0.20)		6.82
Dầu WTI	102.27	0.08		35.98

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 18/04/2022			
Trung Quốc - GDP (năm/năm) (Quý 1)	4.0%	4.4%	4.8%
Trung Quốc - Sản lượng công nghiệp (năm/năm) (Tháng 3)	7.5%	4.5%	5.0%
Thứ Ba - 19/04/2022			
Mỹ - Giấy phép xây dựng (Tháng 3)	1.865M	1.825M	1.873M
Thứ Tư - 20/04/2022			
Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản của PBoC	3.70%		3.70%
Canada - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 3)	0.8%	0.5%	1.0%
Mỹ - Doanh số bán nhà hiện tại (Tháng 3)	5.93M	5.80M	5.77M
Mỹ - Dự trữ dầu thô	9.382M	2.471M	-8.020M
New Zealand - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (quý/quý) (Quý 1)	1.4%	2.0%	1.8%
Thứ Năm - 21/04/2022			
Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 3)	1.8%	1.0%	
Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 3)	7.5%	7.5%	
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	185K	175K	
Mỹ - Chỉ số sản xuất Fed Philadelphia (Tháng 4)	27.4	20.0	
Thứ Sáu - 22/04/2022			
Anh - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 3)	-0.3%	-0.3%	
Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 4)	56.9	54.4	
Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp (Tháng 4)	60.9	59.7	
Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất	55.2		
Anh - Chỉ số PMI dịch vụ	62.6		
Canada - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (Tháng 2)	2.5%	2.4%	

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ diễn biến trái chiều khi nhà đầu tư đánh giá loạt báo cáo lợi nhuận quý 1 từ các công ty. Đóng cửa, chỉ số Dow Jones cộng 249,59 điểm (+0,7%) lên 35.160,79 điểm. Chỉ số S&P 500 gần như đi ngang tại mức 4.459,45 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite mất 1,2% còn 13.453,07 điểm. Cho đến nay, khoảng 12% công ty thuộc S&P 500 đã báo cáo kết quả kinh doanh quý 1, với 80% trong số này có kết quả vượt kỳ vọng của các chuyên gia phân tích, theo FactSet.
- Giá dầu phục hồi khi dự trữ dầu tại Mỹ giảm và lo ngại về nguồn cung eo hẹp từ Nga và Libya đã thúc đẩy đà phục hồi từ mức giảm mạnh trong phiên trước đó. Kết phiên, hợp đồng dầu Brent tiến 65 xu (+0,6%) lên 107,90 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 1,06 USD (+1%) lên 103,62 USD/thùng. Giá dầu toàn cầu đã khởi sắc nhờ dự báo nguồn cung eo hẹp hơn sau các lệnh trừng phạt Nga – quốc gia xuất khẩu dầu lớn thứ 2 thế giới và là một nhà cung cấp quan trọng cho châu Âu.
- Giá vàng giao ngay tăng do USD thoái lui cũng như lo lắng về lạm phát và tăng trưởng kinh tế chậm lại bởi xung đột ở Ukraine, trong khi Mỹ dự kiến tăng lãi suất đã hạn chế đà tăng. Vàng giao ngay tăng 0,1% lên 1.952,09 USD/ounce, khôi phục từ mức thấp nhất gần hai tuần trước đó. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 đóng cửa giảm 0,2% xuống 1.955,6 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VHM, VPB và TCB là những nguyên nhân chính khiến chỉ số VN30 tiếp tục giảm điểm. Trong đó, VHM gây ảnh hưởng -2,31 điểm tới chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
VPB	Banks	8.25	35,200	-1.68	2.98%	760.447	-2.02	9.09	1.80
HPG	Metals & Mining	8.00	43,200	-0.23	2.09%	576.253	-0.27	6.03	2.13
TCB	Banks	7.40	43,050	-1.49	2.67%	344.885	-1.60	8.36	1.64
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	6.50	112,000	0.00	3.10%	368.615	0.00	23.37	5.67
VIC	Real Estate Management & Development	6.22	79,300	0.63	2.31%	135.637	0.56	#N/A N/A	2.94
ACB	Banks	5.52	31,900	0.79	1.74%	143.555	0.62	8.98	1.92
MWG	Specialty Retail	5.44	156,000	0.00	3.64%	296.421	0.00	22.49	5.46
MSN	Food Products	5.30	124,300	3.15	3.73%	137.231	2.33	20.55	5.37
VHM	Real Estate Management & Development	5.13	66,800	-3.05	4.41%	402.268	-2.31	7.42	2.33
VNM	Food Products	4.76	75,600	-0.53	1.46%	146.767	-0.36	16.73	4.78
MBB	Banks	4.61	29,500	0.68	3.09%	385.452	0.45	8.77	1.87
NVL	Real Estate Management & Development	4.14	81,400	-0.73	2.36%	282.843	-0.44	42.60	4.49
STB	Banks	3.71	27,550	0.18	2.73%	334.133	0.10	14.80	1.52
VCB	Banks	3.07	78,400	0.90	1.54%	70.74	0.39	16.93	3.40
VJC	Airlines	2.89	142,000	-0.77	1.98%	110.159	-0.32	62.54	4.55
HDB	Banks	2.70	25,750	-0.58	1.95%	81.728	-0.23	8.47	1.77
TPB	Banks	2.54	35,500	-1.93	4.51%	137.804	-0.72	10.75	2.16
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.84	118,900	0.00	3.06%	120.64	0.00	26.27	4.50
SSI	Capital Markets	1.84	35,200	0.57	3.75%	358.456	0.15	16.21	2.56
VRE	Real Estate Management & Development	1.64	30,650	-0.65	1.97%	111.083	-0.15	52.98	2.27
KDH	Real Estate Management & Development	1.57	49,900	-0.40	2.00%	60.499	-0.09	28.01	3.15
CTG	Banks	1.56	28,700	-0.17	2.63%	123.456	-0.04	9.79	1.48
PDR	Capital Markets	1.28	63,500	0.87	4.07%	173.838	0.16	22.86	5.84
SAB	Food Products	0.91	172,000	1.84	3.53%	54.84	0.24	30.08	5.20
GAS	Gas Utilities	0.77	106,600	-6.41	6.67%	155.216	-0.75	24.33	3.99
BID	Banks	0.58	37,950	0.00	2.51%	55.649	0.00	18.21	2.31
POW	Independent Power and Renewable Electricity Produce	0.58	13,050	-3.33	6.15%	221.808	-0.28	17.00	1.07
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.49	51,300	0.59	2.95%	89.439	0.04	21.88	2.59
GVR	Real Estate Management & Development	0.39	32,550	-7.00	9.06%	97.214	-0.42	31.32	2.72
BVH	Beverages	0.36	64,000	-2.59	4.53%	179.788	-0.14	25.06	2.24

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45
		GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30
		GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45
8	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Đinh Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn